TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 08/2022/KDTM-ST
Ngày : 28/9/2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Kính.

Bà Nguyễn Thị Diệu Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyên Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Đào Thanh Tú - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2020/TLST-KDTM ngày 28 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2022/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH MTV H

Địa chỉ: Khu Công nghiệp N, Khu kinh tế N, xã N, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Trường Nh - Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV H; cư trú tại: Khu phố Tân Tiến, thị trấn Cát Tiến, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 14/01/2020); có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH V

Địa chỉ: 27 T, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đặng Văn T; cư trú tại: 461/8 Hải Phòng, phường C, quận T, thành phố Đà nẵng là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 19/7/2019); vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Bà Nguyễn Thị H; cư trú tại: 86B T, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; có mặt.

+ Bà Trần Thị Phan Hu; cư trú tại: 27 T, phường G, thành phố Quy nhơn; vắng mặt.

+ Ông Lê Văn Phiếm; cư trú tại: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:* Ông Võ Anh Ch-Đại diện Công ty TNHH kiểm toán TVASC Việt Nam; chức vụ: Giám đốc; cư trú tại: 84 Đ, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Công ty TNHH một thành viên H Việt Nam trình bày:

Công ty TNHH một thành viên H (viết tắt là Công ty H) phối hợp với Công ty TNHH V (viết tắt là Công ty V) khai thác tận thu sa khoáng titan. Do Công ty V ít vốn nên yêu cầu Công ty H cho vay vốn kinh doanh, khi nào bán được hàng sẽ trả lại. Vì tin tưởng bà Trần Ngọc A (đại diện theo pháp luật Công ty V) là mẹ vợ của ông Từ Bội Ph (đại diện theo pháp luật của Công ty H) nên Công ty H đồng ý cho Công ty V vay tiền nhiều lần từ năm 2008 đến năm 2010, nhưng hai bên không lập văn bản mà chỉ thỏa thuận miệng. Công ty H chuyển tiền cho Công ty V bằng hình thức chuyển khoản qua Ngân hàng và chủ yếu qua các Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Tài; Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn. Đồng thời Công ty V cũng chuyển trả tiền cho Công ty H thông qua hai Ngân hàng trên. Ngày 31/8/2010, giữa hai kế toán của hai Công ty đã có đối chiếu công nợ và xác định Công ty V còn nợ Công ty H tổng số tiền là 22.379.206.912 đồng. Cụ thể việc cho vay, trả nợ như sau:

- Năm 2008, Công ty H đã Công ty V vay 09 lần với tổng số tiền 6.113.310.986 đồng. Công ty V đã trả được 1.305.193.633 đồng, còn nợ 4.808.117.353 đồng.

- Năm 2009, Công ty H cho Công ty V vay 50 lần với tổng số tiền 13.661.247.551 đồng, Công ty V đã trả được 4.994.157.992 đồng, còn nợ 8.667.089.559 đồng.

- Năm 2010, Công ty H đã cho Công ty V vay 29 lần với tổng số tiền 13.661.247.551 đồng, Công ty V đã trả được 4.170.000.000 đồng, còn nợ 8.904.000.000 đồng.

Công ty Hđã nhiều lần yêu cầu Công ty V trả nợ, nhưng Công ty V không trả. Nay Công ty H khởi kiện yêu cầu Công ty V trả hết khoản tiền nợ đã đối chiếu xác nhận là 22.379.206.912 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đối với yêu cầu phản tố của Công ty V cho rằng Công ty H còn nợ tiền dầu do là 9.043.318.490 đồng và nợ tiền mặt là 14.316.000.000 đồng là không có căn cứ vì Công ty H không có hợp đồng vay tiền và mượn dầu với Công ty V.

Bị đơn Công ty TNHH V trình bày:

Công ty V thừa nhận giữa hai công ty có việc chuyển tiền qua lại với nhau trong 03 năm từ năm 2008 đến năm 2010, nhưng đây là tiền bán hàng thông qua việc nhờ Công ty H giao dịch mua bán trực tiếp với khách hàng rồi chuyển trả lại cho Công ty V.

Công ty V không thừa nhận khoản tiền nợ 22.379.206.912 đồng vì: Biên bản đối chiếu tài chính ngày 31/8/2010 do Công ty H đưa ra chỉ có chữ ký của hai nhân viên kế toán của hai Công ty, không có xác nhận của đại diện hợp pháp hoặc chủ sở hữu của cả hai Công ty nên Công ty V không chịu trách nhiệm về văn bản này.

Công ty V có yêu cầu phản tố yêu cầu Công ty Hong Yeung phải thanh toán các khoản nợ sau:

- Về số lượng dầu Do: Công ty H sử dụng của Công ty V trong 03 năm từ năm 2008 đến năm 2010, thông qua hình thức Công ty V mua rồi nhập vào kho của Công ty H, nhân viên của Công ty H trực tiếp nhận dầu với số lượng 654.200 lít (654,2 tấn), có giá trị 9.043.318.490 đồng để sử dụng cho việc san lấp mặt bằng và thi công xây dựng hạ tầng khu B - khu kinh tế N.

- Về số tiền mặt: Công ty H vay của Công ty V tổng cộng là 14.316.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên do Công ty V rút tại tài khoản ngân hàng rồi nhập vào quỹ tiền mặt chi nội bộ của Công ty H.

Đề nghị Tòa buộc Công ty H phải trả lại cho Công ty V với tổng số tiền 23.359.318.490 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng khác đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện hợp pháp của

bị đơn và một số người làm chứng không tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty H. Buộc Công ty V phải thanh toán cho Công ty H 22.379.206.912 đồng. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của Công ty V yêu cầu Công ty Hong Yeung phải trả 23.359.318.490 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty V vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đại diện hợp pháp của Công ty V, đồng thời đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của Công ty V yêu cầu Công ty H phải trả lại 23.359.318.490 đồng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty H, HĐXX thấy rằng: Việc vay tiền giữa Công ty H và Công ty V không được lập bằng văn bản, tuy nhiên Công ty V đã thừa nhận rằng hai công ty có việc chuyển tiền qua lại với nhau trong 03 năm, từ năm 2008 đến năm 2010 và việc chuyển tiền chủ yếu thông qua Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Tài và Ngân hàng TMCP Techcombank - Chi nhánh Quy Nhơn. Công ty V cho rằng việc chuyển tiền qua lại giữa hai công ty là tiền bán hàng thông qua việc nhờ Công ty H giao dịch mua bán trực tiếp với khách hàng rồi chuyển trả lại cho Công ty V, nhưng Công ty V không có chứng cứ gì để chứng minh Công ty H giúp Công ty V mua bán hàng. Mặt khác, Công ty H và Công ty V là hai pháp nhân độc lập, hoạt động kinh doanh, hạch toán độc lập theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật dân sự và trong hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 06/3/2008, hai Công ty không có thỏa thuận về việc phân chia lợi nhuận, không có thỏa thuận về việc Công ty H giao dịch, mua bán trực tiếp với khách hàng rồi chuyển trả lại tiền cho Công ty V, Công ty V cũng không có chứng cứ chứng minh, tại sao Công ty Vkhông tự mình hoạt động mua bán, kinh doanh mà lại nhờ Công ty H thực hiện. Hơn nữa, bản sao kê tài khoản của hai Ngân hàng nêu trên phù hợp với bản đối chiếu quan hệ tài chính được lập giữa hai kế toán của hai Công ty ngày 31/8/2010, phù hợp với Báo cáo tài chính của Công ty V từ năm 2008 đến năm 2010, sổ công nợ của Công ty V từ năm 2008 đến năm 2010 và phù hợp với đối chiếu sổ sách báo cáo tài chính đã quyết toán hàng năm của Công ty V được lưu lại tại cơ quan thuế thể hiện tại biên bản xác minh tại Cục thuế tỉnh Bình Định và phù hợp với ý kiến của chính Công ty V ngày 12/3/2012, do bà Lý Thiếu Huệ - Phó Tổng giám đốc Công ty V trình bày.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, Công ty V còn cung cấp sổ quỹ tiền mặt của các năm từ năm 2008-2010 của Công ty H, mà Công ty V cho là bản gốc và

Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã ra Quyết định trưng cầu giám định, yêu cầu Công ty TNHH kiểm toán TVASC Việt Nam, giám định về tài chính đối với hai công ty theo yêu cầu của Công ty V. Tuy nhiên, các sổ quỹ tiền mặt nêu trên không phải là sổ ghi công nợ và cho dù những người làm chứng là bà Nguyễn Thị H, bà Trần Thị Phan H là kế toán và là thủ quỹ của cả hai công ty, thì cũng không có căn cứ thể hiện việc vay, trả tiền giữa hai công ty thông qua sổ quỹ tiền mặt, mà như các bên đã thừa nhận việc vay, trả tiền giữa hai công ty đều thông qua chuyển khoản tại các ngân hàng. Đối với việc kiểm toán thì thư quản lý cũng không kết luận được việc vay, trả tiền của các bên. Hơn nữa, thư quản lý trong kiểm toán không phải là kết luận giám định trong tố tung dân sự nên không thể được xem là căn cứ để xác định công nợ giữa hai công ty. Như vậy, có đủ cơ sở xác định Công ty V còn nợ Công ty H số tiền là 22.379.206.912 đồng.

[3] từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu của Công ty H là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng khác:

[4.1] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, 5 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thì Công ty V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với phần yêu cầu của Công ty H được chấp nhận là 130.379.207 đồng và án phí phản tố không được chấp nhận là 131.359.318 đồng, tổng cộng là 261.738.525 đồng. Công ty H được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4.2] Chi phí tố tụng khác: Công ty V phải chịu toàn bộ chi phí kiểm toán.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng cũng như về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 200, điểm b, c khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2, 5 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV H Việt Nam.

2. Buộc Công ty TNHH V có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV H Việt Nam số tiền: 22.379.206.912 đồng (*Hai mươi hai tỷ ba trăm bảy mươi chín triệu hai trăm lẻ sáu nghìn chín trăm mười hai đồng*).

3. Đình chỉ giải quyết toàn bộ yêu cầu phản tố của Công ty TNHH V.

4. Tiếp tục áp dụng Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 212/2011/QĐ-BPKCTT ngày 04/8/2011 và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 45/2017/QĐ-BPKCTT ngày 06/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

5. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

5.1 Về án phí KDTM sơ thẩm:

- Công ty TNHH V phải chịu 261.738.525 đồng, nhưng được khấu trừ vào 64.933.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu số: 004557 ngày 16/11/2011 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định. Công ty V còn phải nộp 196.805.525 đồng.

- Hoàn trả lại cho Công ty TNHH một thành viên H Việt Nam 65.189.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu số: 004480 ngày 19/11/2010 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

5.2 Về chi phí tố tụng khác: Công ty TNHH V phải chịu 10.000.000 đồng chi phí trưng cầu kiểm toán, số tiền này Công ty TNHH V đã nộp chi xong.

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

6.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Công Phương

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Kính **Nguyễn Thị Diệu Thu** **Võ Công Phương**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Công Phương